TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC GIANG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024/DS-ST
Ngày 16 tháng 5 năm 2024
V/v "Yêu cầu tuyên bố văn bản thoả thuận phân chia tài sản chung vô hiệu"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG, TỈNH BẮC GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Môn, bà Nguyễn Thị Biên

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Đặng Minh Hà - Kiểm sát viên

Trong ngày 16 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2024 về việc "Yêu cầu tuyên bố văn bản thoả thuận phân chia tài sản chung vô hiệu" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1984 - Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (có mặt)

- Bị đơn: Anh Hà Văn H, sinh năm 1994 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hà Văn D, sinh năm1967 (vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1967 (vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đông Nghè, xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

3. Chị Hà Thị H1, sinh năm 1990 (vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đồi Nên, xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

4. Ủy ban nhân dân xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Hoàng C - Chức vụ: Chủ tịch

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn H2 - Chức vụ: Phó Chủ tịch (vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt)

5. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B, tỉnh Bắc Giang
Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quang B - Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 31 tháng 01 năm 2024, bản tự khai ngày 28 tháng 02 năm 2024, quá trình làm việc và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang đang tổ chức thi hành Bản án số 28/2023/HS-ST ngày 02/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Theo nội dung bản án và Quyết định thi hành án số 319/QĐ-CCTHADS ngày 20/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang thì: Anh Hà Văn H, sinh năm 1994, địa chỉ: Thôn Đ, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, phải thi hành khoản: Án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng, phạt tiền: 40.000.000 đồng, truy thu để sung công quỹ Nhà nước số tiền 1.414.914.943 đồng. Cơ quan thi hành án đã xử lý tiền, tài sản tạm giữ, đảm bảo thi hành án theo bản án được số tiền 182.085.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước. Đến nay, anh H còn phải thi hành khoản truy thu để sung công quỹ Nhà nước số tiền 1.414.914.943 đồng (Một tỷ, bốn trăm mười bốn triệu, chín trăm mười bốn nghìn, chín trăm bốn mươi ba đồng). Quá trình tổ chức thi hành bản án, Chấp hành viên đã thông báo cho anh Hà Văn H biết các quyền, nghĩa vụ phải thi hành. Hiện nay, anh H đã chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương nhưng chưa thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án.

Quá trình xác minh điều kiện thi hành án, Ủy ban nhân dân xã D (sau đây viết tắt là UBND xã D), thành phố B và chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B (sau đây viết tắt là Chi nhánh VPĐKĐĐ thành phố Bắc Giang) cung cấp: Hộ ông Hà Văn D (là bố đẻ của anh Hà Văn H) có tài sản là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 109, tờ bản đồ số 19, địa chỉ thửa đất: Thôn Đ, xã D, thành phố B. Ngày 13/4/2023, hộ gia đình ông D (gồm ông Hà Văn D, bà Nguyễn Thị M, anh Hà Văn H và chị Hà Thị H1) đã lập văn bản thoả thuận phân chia tài sản chung tại UBND xã D. Nội dung thoả thuận là giao cho ông Hà Văn D và bà Nguyễn Thị M toàn bộ quyền sử dụng, định đoạt đối với Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 109, tờ bản đồ số 19, địa chỉ thửa đất: Thôn Đ, xã D, thành phố B. Ngày 05/5/2023 Chi nhánh VPĐKĐĐ thành phố B đã chỉnh lý trang 4 của Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số U996024 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 05/4/2002: Phân chia tài sản chung cho ông Hà Văn D, sinh năm 1967, căn cước công dân số 024067011437 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1967, căn cước công dân số 024167003877 theo Văn bản thoả thuận phân chia tài sản chung chứng thực số 47/2023, quyển số 01/2023TP/CT-SCT/HĐGD được UBND xã D chứng thực ngày 13/4/2023.

Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang xác định, anh Hà Văn H có tài sản chung trong quyền sử dụng đất của hộ gia đình. Việc anh Hà Văn H cùng các thành viên hộ gia đình ông Hà Văn D lập văn bản thoả

thuận phân chia tài sản chung ngày 13/4/2023 là không đúng quy định, có dấu hiệu tẩu tán tài sản của anh H vì tại thời điểm này anh H đã có nghĩa vụ phải thi hành án theo Bản án số 28/2023/HS-ST ngày 02/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Việc phân chia tài sản thực hiện sau khi Bản án đã có hiệu lực pháp luật, làm ảnh hưởng tới việc thi hành án và quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 75 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014 và năm 2022, Chấp hành viên đề nghị Toà án tuyên bố Văn bản thoả thuận phân chia tài sản chung ngày 13/4/2023, chứng thực số 47/2023, quyển số 01/2023TP/CT-SCT/HĐGD do UBND xã D chứng thực ngày 13/4/2023 là vô hiệu. Bà không yêu cầu giải quyết hậu quả nếu Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung vô hiệu.

** Tại biên bản ghi lời khai ngày 21 tháng 3 năm 2024, bị đơn là anh Hà Văn H trình bày:* Anh đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Toà án, anh không biết viết bản tự khai, anh đề nghị Toà án ghi lời khai của anh. Ngày 02/3/2023, anh bị Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang xét xử về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" bằng Bản án số 28/2023/HS-ST. Theo bản án này, anh bị tuyên phạt 07 (bảy) tháng tù giam, phạt bổ sung bằng tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), truy thu tổng số tiền 1.556.799.943 (Một tỷ, năm trăm lăm mươi sáu triệu, bẩy trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm bốn mươi ba đồng). Ngoài ra, anh được trả lại 42.000.0000đ (Bốn mươi hai triệu đồng) và một số tài sản, đồ vật khác, đồng thời buộc anh phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bản án hình sự nêu trên có hiệu lực từ ngày 3/4/2023. Trong thời gian anh đang chờ đi chấp hành án phạt tù, anh cùng các thành viên gia đình anh (gồm: bố, mẹ, chị gái) thoả thuận phân chia tài sản chung, giao toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt đối với quyền sử dụng đất *(theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U996024, tại thửa đất số 109, tờ bản đồ số 19, địa chỉ thửa đất: Thôn Đ, xã D, thành phố B, diện tích 518,5m2 (T: 400m2, Vườn: 118,5m2), do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/4/2002 cho hộ ông Hà Văn D)* cho bố anh là ông Hà Văn D và mẹ anh là bà Nguyễn Thị M. Việc phân chia tài sản chung được lập thành văn bản và chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã D, thành phố B ngày 13/4/2023 - Số chứng thực 47/2023, quyển số 01/2023/TP/CT-SCT/HĐGD. Ngày 05/5/2023, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B xác nhận nội dung chỉnh lý phân chia tài sản chung cho bố mẹ anh theo Văn bản phân chia tài sản chung nêu trên. Từ thời điểm gia đình anh lập văn bản thoả thuận phân chia tài sản chung ngày 13/4/2023 đến nay, anh không có bất kỳ tài sản nào khác để thi hành án. Nay bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết: Tuyên bố Văn bản thoả thuận phân chia tài sản chung số 47/2023 quyển số 01/2023TP/CT-SCT/HĐGĐ được Phó Chủ tịch UBND xã D, thành phố B chứng thực ngày 13/4/2023 là vô hiệu, anh đề nghị Toà án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết. Anh không yêu cầu giải quyết hậu quả nếu Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung vô hiệu. Anh không có yêu cầu, đề nghị gì khác. Anh không có tài liệu, chứng cứ nộp cho Toà án.

** Tại biên bản ghi lời khai của ông Hà Văn D, bản tự khai của bà Nguyễn Thị M (là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan), ông D và bà M trình bày:* Ngày 02/3/2023, con trai ông bà là Hà Văn H bị Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang xét xử về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" bằng Bản án số 28/2023/HS-ST ngày 02/3/2023. Bản án này đã tuyên phạt H 07 tháng tù giam, phạt bổ sung bằng tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), truy thu tổng số tiền 1.556.799.943 (Một tỷ năm trăm lăm mươi sáu triệu, bẩy trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm bốn mươi ba đồng), trả lại H 42.000.0000đ (Bốn mươi hai triệu đồng) và một số tài sản, đồ vật khác, đồng thời buộc H phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Ông bà biết bản án hình sự xét xử H nêu trên có hiệu lực từ ngày 03/4/2023. Trong thời gian H đang chờ đi chấp hành án phạt tù thì gia đình ông bà (gồm: ông, bà và các con: Hà Văn H, Hà Thị H1) thoả thuận phân chia tài sản chung, giao toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt đối với quyền sử dụng đất *(theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U996024, tại thửa đất số 109, tờ bản đồ số 19, địa chỉ thửa đất: Thôn Đ, xã D, thành phố B, diện tích 518,5m2, trong đó đất ở: 400m2 và đất vườn: 118,5m2, do UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/4/2002 cho hộ ông Hà Văn D)* cho ông là ông Hà Văn D và bà là Nguyễn Thị M. Việc phân chia tài sản chung được lập thành văn bản và chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã D, thành phố B ngày 13/4/2023 - Số chứng thực 47/2023, quyển số 01/2023/TP/CT-SCT/HĐGD. Ngày 05/5/2023, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B xác nhận nội dung chỉnh lý phân chia tài sản chung cho vợ chồng ông bà theo Văn bản phân chia tài sản chung nêu trên. Từ thời điểm gia đình ông bà lập văn bản thoả thuận phân chia tài sản chung (ngày 13/4/2023) đến nay, anh H không có bất kỳ tài sản nào khác để thi hành án. Nay bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết: Tuyên bố Văn bản thoả thuận phân chia tài sản chung được chứng thực số 47/2023 quyển số 01/2023TP/CT-SCT/HĐGĐ do Phó chủ tịch UBND xã D chứng thực ngày 13/4/2023 là vô hiệu, ông bà đề nghị Toà án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông bà. Ông, bà không yêu cầu giải quyết hậu quả nếu Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung vô hiệu. Ông, bà không có yêu cầu, đề nghị gì khác và không có tài liệu, chứng cứ nộp cho Toà án. Bà cam đoan ý kiến trên là tự nguyện và đúng sự thật, bà xin chịu trách nhiệm về lời trình bày của mình.

** Tại bản tự khai ghi ngày 21/3/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Hà Thị H1 trình bày:* Chị đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Toà án, chị xin trình bày ý kiến như sau: Ngày 02/3/2023, em trai chị là Hà Văn H bị Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang xét xử về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" bằng Bản án số 28/2023/HS-ST ngày 02/3/2023. Tại bản án này đã tuyên phạt H 07 tháng tù giam, phạt bổ sung là phạt tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), truy thu tổng số tiền 1.556.799.943 (Một tỷ năm trăm lăm mươi sáu triệu, bẩy trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm bốn mươi ba đồng), trả lại H 42.000.0000đ (Bốn mươi hai triệu đồng) và một số tài sản, đồ vật khác,

đồng thời buộc H phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Chị biết bản án hình sự xét xử H nêu trên có hiệu lực từ khoảng ngày 03/4/2023. Trong thời gian H đang chờ đi chấp hành án phạt tù thì gia đình chị (gồm: Bố mẹ chị, chị và H) thoả thuận phân chia tài sản chung, giao toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt đối với quyền sử dụng đất *(theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U996024, tại thửa đất số 109, tờ bản đồ số 19, địa chỉ thửa đất: Thôn Đ, xã D, thành phố B, diện tích 518,5m2 (T: 400m2, Vườn: 118,5m2), do UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/4/2002 cho hộ ông Hà Văn D)* cho bố mẹ chị. Việc phân chia tài sản chung được lập thành văn bản và chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã D, thành phố B ngày 13/4/2023 - Số chứng thực 47/2023, quyển số 01/2023/TP/CT-SCT/HĐGD. Ngày 05/5/2023, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B xác nhận nội dung chỉnh lý phân chia tài sản chung cho bố mẹ chị theo Văn bản phân chia tài sản chung nêu trên. Tại thời điểm gia đình chị lập văn bản thoả thuận phân chia tài sản chung (ngày 13/4/2023) cho đến nay, anh H không có bất kỳ tài sản nào khác để thi hành án. Nay bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết: Tuyên bố Văn bản thoả thuận phân chia tài sản chung số 47/2023 quyển số 01/2023TP/CT-SCT/HĐGĐ được Phó chủ tịch UBND xã D chứng thực ngày 13/4/2023 là vô hiệu, chị đề nghị Toà án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết đảm bảo quyền lợi cho gia đình chị. Chị không yêu cầu giải quyết hậu quả nếu Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung vô hiệu. Chị không có yêu cầu, đề nghị gì khác. Chị không có tài liệu, chứng cứ nộp cho Toà án. Chị cam đoan ý kiến trên là tự nguyện và đúng sự thật, chị xin chịu trách nhiệm về lời trình bày của mình

** Tại văn bản ý kiến ghi ngày 23 tháng 4 năm 2024, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B (do ông Trần Quang B là người đại diện theo pháp luật) trình bày:* Chi nhánh VPĐKĐĐ nhận được hồ sơ đề nghị chỉnh lý biến động về chủ sử dụng đất theo Văn bản thoả thuận phân chia tài sản chung chứng thực số 47/2023, quyển số 01/2023TP/CT-SCT/HĐGD được UBND xã D, thành phố B chứng thực ngày 13/4/2023, giữa ông Hà Văn D, bà Nguyễn Thị M, anh Hà Văn H và chị Hà Thị H1 đối với thửa đất số 109, tờ bản đồ số 19, địa chỉ thửa đất: Thôn Đ, xã D, thành phố B, diện tích 518,5m2 (T: 400m2, Vườn: 118,5m2), do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/4/2002 cho hộ ông Hà Văn D). Sau khi kiểm tra hồ sơ, đối chiếu quy định pháp luật, Chi nhánh VPĐKĐĐ đã đăng ký biến động về chủ sử dụng đất theo đúng quy định pháp luật

** Tại văn bản ý kiến ghi ngày 16 tháng 4 năm 20234, Ủy ban nhân dân xã D, thành phố B (do ông Nguyễn Văn H2 là người đại diện theo ủy quyền) trình bày:* UBND xã D, thành phố B đã nhận được thông báo thụ lý vụ án dân sự số 22 ngày 19/02/2024 và công văn số 178/TA ngày 07/3/2024 của Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang. UBND xã D có quan điểm đối với vụ án như sau: Ngày 13/4/2023 hộ gia đình ông Hà Văn D gồm có: Ông Hà Văn D, bà Nguyễn Thị M, anh Hà Văn H và chị Hà Thị H1 đến UBND xã D đề nghị chứng thực văn bản

thoả thuận phân chia tài sản chung là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U996024, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00380 QSDĐ/QĐ số285QĐ-CT(H), tại thửa đất số 109, tờ bản đồ số 19, địa chỉ thửa đất: Thôn Đ, xã D, thành phố B do UBND huyện L cấp ngày 05/4/2002 cho hộ ông Hà Văn D. Nội dung thoả thuận: Giao cho ông Hà Văn D và bà Nguyễn Thị M toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên. Sau khi kiểm tra hồ sơ đề nghị chứng thực, UBND xã D thấy đề nghị của hộ gia đình ông Hà Văn D thuộc thẩm quyền chứng thực của UBND xã D. Hộ gia đình ông Hà Văn D đã cung cấp đầy đủ giấy tờ chứng minh về nhân thân, tài sản, thành viên hộ gia đình tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. UBND xã D không biết anh Hà Văn H thời điểm đó đang phải thi hành bản án của Toà án và quyết định thi hành án của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang. Do vậy UBND xã D tiến hành chứng thực văn bản thoả thuận phân chia tài sản chung theo đúng quy định pháp luật (số chứng thực 47/2023, quyển số 01/2023TP/CT-SCT/HĐGD được Phó chủ tịch UBND xã D chứng thực ngày 13/4/2023). Nay bà Nguyễn Thị L đề nghị Toà án tuyên vô hiệu văn bản thoả thuận phân chia tài sản chung nêu trên của hộ gia đình ông Hà Văn D, UBND xã D đề nghị Toà án căn cứ ý kiến trên của UBND xã D và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật

* Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và thông báo kết quả cho các đương sự vắng mặt tại phiên họp được biết.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn trình bày: Chấp hành viên giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong đơn khởi kiện, bản tự khai và ý kiến tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Chấp hành viên không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

- Bị đơn trình bày: Anh không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang. Thời điểm anh cùng gia đình lập văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung, anh không có bất kỳ tài sản nào khác để thi hành án và anh biết bản án hình sự xử đối với anh đã có hiệu lực pháp luật. Nay anh đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Trường hợp Toà án tuyên bố Văn bản thoả thuận phân chia tài sản chung vô hiệu thì anh không yêu cầu giải quyết hậu quả của văn bản bị tuyên vô hiệu.

- Chủ toạ phiên toà công bố lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà, nguyên đơn, bị đơn không có ý kiến gì.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy

định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 116; điểm c khoản 1 Điều 117; Điều 122; Điều 123; Điều 500; Điều 501 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 75 Luật thi hành án dân sự; Điều 1, mục 1 Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L - Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang: Tuyên bố Văn bản thoả thuận phân chia tài sản chung lập ngày 13/4/2023 giữa ông Hà Văn D, bà Nguyễn Thị M, anh Hà Văn H và chị Hà Thị H1 đối với tài sản chung là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 109; tờ bản đồ số 19, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U996024, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00380 QSDĐ/QĐ số 285 QĐ-CT(H) do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 05/4/2002 cho hộ ông Hà Văn D, địa chỉ thửa đất: Thôn Đ, xã D, huyện L (nay là thôn Đ, xã D, thành phố B), tỉnh Bắc Giang; diện tích 518,5m^2 (T: 400m^2, đất vườn: 118,5m^2), được chứng thực tại UBND xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang ngày 13/4/2023 - số chứng thực 47/2023, quyển số 01/2023TP/CT-SCT/HĐGD là vô hiệu.

2. Các đương sự có quyền, nghĩa vụ liên hệ với Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B để điều chỉnh biến động trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết củaTòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

3. Về án phí: Anh Hà Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

5. Kiến nghị, khắc phục: Không có

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị L là Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang khởi kiện yêu cầu tuyên bố văn bản thoả thuận phân chia tài sản chung vô hiệu. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự, cụ thể là yêu cầu tuyên bố văn bản thoả thuận phân chia tài sản chung vô hiệu được quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp trong vụ án được quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn cư trú tại thành phố B, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt đều đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vụ án vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa.

[2]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét hình thức của văn bản thoả thuận phân chia tài sản chung: Văn bản thoả thuận phân chia tài sản chung lập ngày 13/4/2023 giữa ông Hà Văn D, bà Nguyễn Thị M, anh Hà Văn H và chị Hà Thị H1 được UBND xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang chứng thực ngày 13/4/2023, số chứng thực 47/2023, quyển số 01/2023TP/CT-SCT/HĐGD phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 117, Điều 505 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung không vi phạm quy định về hình thức của văn bản.

[2.2] Xét về nội dung của văn bản thoả thuận phân chia tài sản chung:

Ngày 02/3/2023, Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử anh Hà Văn H về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" bằng Bản án số 28/2023/HS-ST (sau đây viết tắt là Bản án). Bản án đã được tống đạt hợp lệ, không bị kháng cáo, kháng nghị và được xác định có hiệu lực pháp luật ngày 04/4/2023. Theo Bản án, anh H bị xử phạt 07 (bẩy) tháng tù giam và phạt bổ sung là phạt tiền 40.000.000 đồng, anh H bị truy thu tổng số tiền 1.556.799.943 đồng, trong đó: Số tiền gốc cho vay là 1.477.000.000 đồng, tiền lãi là 79.799.943 đồng, anh H được trả lại số tiền 42.000.000 đồng và một số tài sản, đồ vật khác; đồng thời anh H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Ngày 20/4/2023 Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định thi hành án chủ động số 319/QĐ-CCTHADS cho thi hành án đối với anh Hà Văn H theo Bản án nêu trên. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang đã xử lý tiền, tài sản tạm giữ, đảm bảo thi hành án theo Bản án được số tiền: 182.085.000đ để sung công quỹ Nhà nước. Đến nay, anh H còn phải thi hành khoản truy thu để sung công quỹ Nhà nước số tiền: 1.414.914.943 đồng *(Một tỷ, bốn trăm mười bốn triệu, chín trăm mười bốn nghìn, chín trăm bốn mươi ba đồng).*

Ngày 13/4/2023, hộ gia đình ông Hà Văn D gồm có ông Hà Văn D, bà Nguyễn Thị M, anh Hà Văn H và chị Hà Thị H1 lập Văn bản thoả thuận phân chia tài sản chung là quyền sử dụng đất đối với thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U996024, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00380 QSDĐ/QĐ số 285 QĐ-CT(H) do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 05/4/2002 cho hộ ông Hà Văn D. Thông tin thửa đất cụ thể như sau: Thửa đất số: 109; tờ bản đồ số: 19, địa chỉ thửa đất: Thôn Đ, xã D, huyện L (nay là thôn Đ, xã D, thành phố B), tỉnh Bắc Giang; diện tích 518,5m^2; mục đích sử dụng: T 400m^2, Vườn 118,5m^2; thời hạn sử dụng: Lâu dài. Nội dung thoả thuận phân chia: *"Chúng tôi thoả thuận phân chia tài sản thuộc sở hữu chung của chúng tôi tại thửa đất nêu trên với nội dung như sau: Giao toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên cho ông Hà Văn D, sinh năm 1967, căn cước công dân số 024067011437 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1967, căn cước công dân số 024167003877, địa chỉ thường trú: Xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Chúng tôi cam kết tài sản đã giao cho ai thì người đó được toàn quyền sử dụng, định đoạt chuyển nhượng, thế chấp hoặc tặng cho đối với những tài sản đó; không bên nào được gây khó khăn, cản trở cho bên nào"*. Văn bản thoả thuận đã được UBND xã D chứng thực ngày 13/4/2023, số chứng thực 47/2023, Quyển số: 01/2023/TP/CT-SCT/HĐGD. Ngày 05/5/2023 Chi nhánh VPĐKĐĐ thành phố B căn cứ Văn bản thoả thuận phân chia tài sản chung đã chỉnh lý biến động về chủ sử dụng đất như sau: *Phân chia tài sản chung cho ông Hà Văn D, sinh năm 1967, CCCD số: 024067011437, bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1967, CCCD số 024167003877, địa chỉ: Xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang theo Văn bản thoả thuận phân chia tài sản chung số 47/2023, quyển số 01/2023TP/CT-SCT/HĐGD được Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D chứng thực ngày 13/4/2023"*

Căn cứ vào lời khai của ông Hà Văn D, bà Nguyễn Thị M, anh Hà Văn H, chị Hà Thị H1 và căn cứ biên Bản xác minh điều kiện thi hành án ngày 12/5/2023 đối với anh Hà Văn H thì thấy: Anh H và các thành viên gia đình anh H (ông Hà Văn D, bà Nguyễn Thị M, chị Hà Thị H1) đều biết Bản án hình sự số 28/2023/HS-ST ngày 02/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang có hiệu lực từ khoảng ngày 03/4/2023 (đây là thời điểm trước khi các thành viên hộ gia đình ông Hà Văn D lập văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung). Tại thời điểm anh Hà Văn H và các thành viên hộ gia đình lập, ký kết văn bản thoả thuận phân chia tài sản chung, anh H không có tài sản nào khác để thi hành án.

Theo quy định tại Điều 2, Điều 4 Luật Thi hành án dân sự năm 2020 thì bản án có hiệu lực pháp luật phải được cơ quan, tổ chức và mọi công dân tôn trọng. Cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan trong phạm vi trách nhiệm của mình chấp hành nghiêm chỉnh bản án, quyết định và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thi hành án. Do đó, kể từ ngày Bản án số 28/2023/HSST ngày 02/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang có hiệu lực pháp luật (ngày 04/4/2023), anh Hà Văn H phải thực hiện nghĩa vụ theo quyết định của Tòa

án. Việc anh H ký kết văn bản thoả thuận phân chia tài sản chung là tài sản duy nhất của mình để giao cho ông Hà Văn D và bà Nguyễn Thị M được toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 109; tờ bản đồ số 19, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U996024, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00380 QSDĐ/QĐ số 285 QĐ-CT(H) do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 05/4/2002 cho hộ ông Hà Văn D, địa chỉ thửa đất: Thôn Đ, xã D, huyện L (nay là thôn Đ, xã D, thành phố B), tỉnh Bắc Giang; diện tích 518,5m², được chứng thực tại UBND xã D ngày 13/4/2023 và được Chi nhánh VPĐKĐĐ thành phố Bắc Giang xác nhận biến động ngày 05/5/2023 là có căn cứ xác định anh H thực hiện giao dịch liên quan đến tài sản thi hành án nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án. Nội dung của Văn bản thoả thuận phân chia tài sản chung nêu trên đã vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 75 Luật Thi hành án dân sự năm 2020 *"Trường hợp có căn cứ xác định giao dịch liên quan đến tài sản thi hành án nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án thì Chấp hành viên thông báo cho người được thi hành án để yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch đó vô hiệu hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hủy giấy tờ liên quan đến giao dịch đó. Hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông báo mà người được thi hành án không yêu cầu thì Chấp hành viên yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch đó vô hiệu hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hủy giấy tờ liên quan đến giao dịch đó.",* vi phạm quy định tại Điều 1, Mục 11 Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 của Chính phủ về **s**ửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ "*Trường hợp có giao dịch về tài sản mà người phải thi hành án không sử dụng toàn bộ khoản tiền thu được từ giao dịch đó để thi hành án và không còn tài sản khác hoặc có tài sản khác nhưng không đủ để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án thì xử lý như sau: a) .....trường hợp cần tuyên bố giao dịch vô hiệu hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hủy giấy tờ liên quan đến giao dịch thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 75 Luật Thi hành án dân sự. Trường hợp có giao dịch về tài sản kể từ thời điểm bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng đã hoàn thành việc chuyển quyền sở hữu, sử dụng thì Chấp hành viên không kê biên tài sản mà thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 75 Luật Thi hành án dân sự và có văn bản thông báo cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để phối hợp tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản. Việc xử lý tài sản được thực hiện theo quyết định của Tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền…".*

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ và các phân tích trên, căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 75 Luật Thi hành án dân sự; Điều 1, mục 11 Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 của Chính phủ về **s**ửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự; Điều 116; điểm c khoản 1 Điều 117; Điều 122; Điều 123; Điều 500; Điều 501 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nội dung của Văn bản thoả thuận phân chia tài sản chung là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất lập ngày 13/4/2023 được UBND xã

D chứng thực ngày 13/4/2023 - chứng thực số 47/2023, quyển số 01/2023TP/CT-SCT/HĐGD đã vi phạm điều cấm của pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L - Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang: Tuyên bố Văn bản thoả thuận phân chia tài sản chung lập ngày 13/4/2023 đối với tài sản chung là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên, lập giữa ông Hà Văn D, bà Nguyễn Thị M, anh Hà Văn H và chị Hà Thị H1, được chứng thực số 47/2023, quyển số 01/2023TP/CT-SCT/HĐGD do UBND xã D, thành phố B chứng thực ngày 13/4/2023 là vô hiệu.

[2.3]. Căn cứ giải đáp tại mục II.2 Công văn số 64/TANDTC-PC ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thì theo Điều 195 của Luật Đất đai, Điều 79 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định việc đăng ký biến động, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chuyển quyền dựa trên cơ sở của hợp đồng, văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, nếu đủ điều kiện thực hiện các quyền theo quy định thì xác nhận nội dung biến động vào giấy chứng nhận đã cấp hoặc lập hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc xác nhận biến động trong trường hợp thực hiện hợp đồng là thủ tục hành chính trong giao dịch dân sự, không mang tính chất của quyết định hành chính cá biệt; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền sẽ thực hiện việc đăng ký biến động, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cơ sở kết quả giao dịch có hiệu lực. Khi giải quyết tranh chấp về hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất mà hợp đồng đó bị vô hiệu, nhưng người nhận chuyển quyền đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đã được xác nhận nội dung biến động thì không đưa cơ quan có thẩm quyền trong việc cấp giấy tham gia tố tụng và không cần phải tuyên hủy giấy chứng nhận cấp cho người chuyển nhượng. Khi Tòa án tuyên hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất vô hiệu thì văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan tài nguyên và môi trường căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

Theo tinh thần hướng dẫn trên, mặc dù Văn bản thoả thuận phân chia tài sản chung lập ngày 13/4/2023 giữa ông Hà Văn D, bà Nguyễn Thị M, anh Hà Văn H và chị Hà Thị H1 đã bị tuyên vô hiệu, nhưng Tòa án không cần phải tuyên hủy xác nhận biến động của Chi nhánh VPĐKĐĐ tại Trang 4 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U996024, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00380 QSDĐ/QĐ số 285 QĐ-CT (H) do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 05/4/2002 cho hộ ông Hà Văn D. Căn cứ vào bản án, các đương sự có quyền, nghĩa vụ liên hệ với Chi nhánh VPĐKĐĐ thành phố Bắc Giang để điều chỉnh biến động phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

[2.4] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử cần buộc anh Hà Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử cần tuyên các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

[2.6] Về đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang: Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang đối với việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 116; điểm c khoản 1 Điều 117; Điều 122; Điều 123; Điều 500; Điều 501 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 điều 75 Luật thi hành án dân sự; Điều 1, mục 1 Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết sô 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L - Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang: Tuyên bố Văn bản thoả thuận phân chia tài sản chung lập ngày 13/4/2023 giữa ông Hà Văn D, bà Nguyễn Thị M, anh Hà Văn H và chị Hà Thị H1 đối với tài sản chung là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 109; tờ bản đồ số 19, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U996024, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00380 QSDĐ/QĐ số 285 QĐ-CT (H) do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 05/4/2002 cho hộ ông Hà Văn D, địa chỉ thửa đất: Thôn Đ, xã D, huyện L (nay là thôn Đ, xã D, thành phố B), tỉnh Bắc Giang; diện tích 518,5m^2 (T: 400m^2, đất vườn: 118,5m^2), được chứng thực tại UBND xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang ngày 13/4/2023, số chứng thực 47/2023, quyển số 01/2023TP/CT-SCT/HĐGD là vô hiệu.

2. Các đương sự có quyền, nghĩa vụ liên hệ với Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B, tỉnh Bắc Giang để điều chỉnh biến động trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U996024, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00380 QSDĐ/QĐ số 285 QĐ-CT (H) do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 05/4/2002 cho hộ ông Hà Văn D phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

3. Về án phí: Anh Hà Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKS TP.Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP.Bắc Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA**

Nguyễn Thị Lan